

Số: 199/2024/QĐST-HNGĐ

Thành phố B, ngày 02 tháng 8 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN**  
**CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã thụ lý số: 274/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2024 về “xin ly hôn” giữa:

1. Nguyên đơn: Ông **Võ Ngọc Á**, sinh năm: 1972;

Địa chỉ: Số A khu phố D, phường H, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Bà **Võ Thị V**, sinh năm: 1980;

Địa chỉ: Số A khu phố D, phường H, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành lập ngày 25 tháng 7 năm 2024;

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, ngày 25 tháng 7 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn của Ông **Võ Ngọc Á** và Bà **Võ Thị V**.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: có 02 con chung là: **Võ Ngọc S**, sinh năm: 05/09/2002 đã trưởng thành nên Toà án không xem xét giải quyết và **Võ Phương N**, sinh năm: 02/4/2013. Bà **Võ Thị V** được quyền nuôi cháu **N**, ông **Võ Ngọc Á** cấp dưỡng nuôi cháu **N** mỗi tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu **N** đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Vì quyền và lợi ích mọi mặt của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

2.2. Về tài sản chung: Ông Võ Ngọc Á và Bà Võ Thị V khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2.3. Về nợ chung: Ông Võ Ngọc Á và Bà Võ Thị V đều khai không có.

2.4. Về án phí: Ông Võ Ngọc Á phải nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm và 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí 0002648 ngày 09/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Ông đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND –TP Bến Tre (1b);
- Chi cục THADS - TP Bến Tre (1b);
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND phường 8, TP Bến Tre;
- Các bên đương sự (2b) ;
- Lưu HS, VP (2b).

**THẨM PHÁN**

(đã ký)

**Nguyễn Duy Phong**